

Bản án số: 131/2025/HS-PT
Ngày 31-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên.

Các Thẩm phán: Bà Quách Thị Phương Thuý;
Bà Đoàn Thị Thu Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2025/TLPT-HS, ngày 15 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo: Nguyễn Ngọc H và Trần Đình T; do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Đình T, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST, ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3), thành phố Hải Phòng.

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/6/1995 tại Hải Phòng; nơi thường trú: Xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số C T, tổ A, phường L, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Y; có vợ là Vũ Thị K và có một con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 05/4/2024 đến ngày 13/4/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Trần Đình T, sinh ngày 14/8/1999 tại Hải Phòng; nơi cư trú: C, phường T, quận K (nay là phường B), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình N và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Mai Thùy L (đã ly hôn) và có hai con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 04/2018/HS-ST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (phạm tội khi 17 tuổi 11 tháng 26 ngày, được coi là không có án tích); bị tạm giữ từ ngày 05/4/2024 đến ngày 13/4/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có công việc ổn định nên Nguyễn Ngọc H nảy sinh ý định mua tài khoản cá độ bóng đá trực tuyến trên mạng Internet để thực hiện hành vi đánh bạc, được thua bằng tiền với người chơi. Khoảng đầu tháng 01/2024, qua mạng xã hội Facebook, H mua của một người tên T2 (chưa xác định được lai lịch và địa chỉ) 03 tài khoản cá độ bóng đá có tên: NQQ60611000 có sẵn 200 điểm, NQQ60611001 có sẵn 1.000 điểm, mỗi điểm tương ứng 50.000 đồng và tài khoản có tên NQQ60652000 có sẵn 300 điểm, mỗi điểm tương ứng 12.000 đồng. H thống nhất với Trần Hữu H1 nếu có khách hỏi thì H sẽ chuyển cho H1 02 tài khoản NQQ60611000 và NQQ60611001 để H1 giao cho người chơi. H và H1 chung nhau mỗi người 50% tổng số tiền thắng, thua. Sau khi được cấp tài khoản, người chơi sử dụng thiết bị có kết nối mạng Internet đăng nhập tài khoản vào trang web viva88.com cá độ. Trên trang web sẽ hiện đầy đủ thông tin như: Số điểm của tài khoản là phương tiện đặt cược; tỷ lệ cá cược của các trận bóng đá... Người chơi sẽ lựa chọn các trận, các kèo và đánh cược số điểm để cá độ. Sau khi trận đấu kết thúc tài khoản sẽ tự động cập nhật số điểm tương ứng với việc thắng thua. Nếu thắng sẽ được trả điểm được cùng điểm cược thắng về tổng điểm tài khoản, nếu thua sẽ mất số điểm đặt cược. Từ số điểm còn lại trên trang web, hàng tuần, hai bên sẽ tính toán được thua với nhau theo quy ước đã thỏa thuận trước để đổi điểm ra tiền mặt và thanh toán với nhau vào ngày thứ Tư hàng tuần. Riêng cột thông tin về tiền hoa hồng thì H và H1 và những người chơi không có thỏa thuận gì và không tính toán với nhau.

Từ khi quản lý tài khoản cá độ, H và H1 đã giao tài khoản cho những người chơi cụ thể như sau:

- Khoảng đầu tháng 01/2024 H1 giao tài khoản có tên NQQ60611000 cho Trương Công C và giao tài khoản có tên NQQ60611001 cho Trần Văn S để C và S tham gia đánh bạc.

Ngày 07/01/2024 C đã sử dụng tài khoản do H1 cấp để cá độ một trận bóng giữa đội Racing de F và đội S2 (thuộc giải bóng đá Cúp nhà vua Tây Ban Nha) với ba đợt cược, tổng số điểm cược là 60 điểm. Kết quả Chiến thắng 55,2 điểm, tính ra tổng số tiền dùng để đánh bạc là: 5.760.000 $((60 + 55,2) \times 50.000 \text{ đồng})$. H1 đã thanh toán cho C số tiền 2.760.000 đồng $(55,2 \times 50.000 \text{ đồng})$.

Cùng ngày 07/01/2024 S dùng tài khoản do H1 cấp cá độ một trận bóng giữa đội Racing de F và S1 (thuộc giải bóng đá Cúp nhà vua Tây Ban Nha) với bốn đợt cược, tổng số điểm cược là 97 điểm. Kết quả S thắng ba đợt cược và thua một đợt cược, tính ra thắng được 67,44 điểm, tổng số tiền S đánh bạc là: 8.222.000 đồng $((97 + 67,44) \times 50.000 \text{ đồng})$. Sau khi trừ đi số tiền thua, S được H1 trả 3.552.000 đồng.

Trước khi tham gia cá độ, do S không có tài khoản ngân hàng nên đã gặp và nhờ Phạm Ngọc T2 nhận chuyển tiền thắng cá độ bóng đá, T2 đồng ý. Ngày 09/01/2024 H1 sử dụng tài khoản số 869611888 mang tên TRAN HUU HIEU mở tại Ngân hàng V chuyển trả số tiền S thắng bạc đến tài khoản số 0902120766 mang

tên PHAM NGOC TU mở tại Ngân hàng M. Nhận được tiền trong tài khoản, T2 đã đi rút tiền mặt và đưa lại cho S.

- H giao tài khoản có tên NQQ60652000 cho T để tham gia đánh bạc. Sau khi nhận tài khoản, T có gặp và quen một đối tượng tên N1 (hiện chưa xác định được lai lịch) tại quán cafe trên đường L, Đ, Ngô Q, Hải Phòng, do có chung sở thích xem bóng đá. T đã chuyển lại tài khoản cá độ cho N1 và quy ước 1 điểm tương ứng với 40.000 đồng (T hưởng chênh lệch 28.000 đồng/điểm). Ngày 13/01/2024 N1 dùng tài khoản do T cấp cá độ một trận bóng giữa đội C1 và đội F1 (thuộc Giải bóng đá ngoại hạng A) với một đợt cược số điểm cược là 200 điểm (tương ứng số tiền cá độ là 8.000.000 đồng). Kết quả N1 thắng 186 điểm (tương ứng 7.440.000 đồng), tính ra tổng số tiền dùng để đánh bạc là 15.440.000 đồng. Ngày 14/01/2024 H đã thanh toán cho T số tiền là 2.232.000 đồng.

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 04/4/2024 Trần Hữu H1 đến trụ sở Công an quận N đầu thú, khai báo về hành vi cá độ bóng đá và giao nộp 01 điện thoại Iphone XS max, có số Imei 357296092292096, lắp sim số 8401210833903756.

Ngày 05/4/2024 Cơ quan điều tra đã tiến hành giữ khẩn cấp đối với Nguyễn Ngọc H, Trần Văn S, Trương Công C, Trần Đình T và Phạm Ngọc T2. Thu giữ của H 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen có số Imei 359151071848137; thu giữ của C 01 điện thoại Iphone 5S có số Imei 352004062095423; thu giữ của T 01 điện thoại Iphone 7 Plus có số Imei 355347089408930; thu giữ của T2 01 điện thoại S3 10 có số Imei 353333111296610 lắp sim in số 8401191124043644. Kiểm tra điện thoại của H1 và T phát hiện trong tài khoản cá độ do H giao cho H1 và T có lịch sử cá độ bóng đá, kiểm tra điện thoại của T2 có lịch sử tin nhắn chuyển khoản tiền đánh bạc. Cơ quan điều tra đã sao in các tài liệu liên quan đến việc đánh bạc của các đối tượng. Riêng điện thoại của C và H không có nội dung gì. Tiến hành trưng cầu giám định điện thoại đã thu giữ, không phát hiện dữ liệu khác liên quan đến vụ án. Khám xét khẩn cấp nơi ở của các đối tượng đều không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST, ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3), thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Đình T; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đình T.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Hữu H1, Trần Văn S, Trương Công C và Phạm Ngọc T2; áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Ngọc T2.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Trần Hữu H1, Trần Văn S, Trương Công C, Trần Đình T, Phạm Ngọc T2 đồng phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H 39 (Ba mươi chín) tháng tù và bị cáo Trần Đình T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án. Khi thi hành án các bị cáo được trừ 09 ngày đã bị tạm giữ.

Xử phạt: Các bị cáo Trần Hữu H1, Trần Văn S và Trương Công C mỗi bị cáo 36 (Ba mươi sáu) tháng tù; bị cáo Phạm Ngọc T2 33 (Ba mươi ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo H1, S, C và T2 cho UBND xã, phường nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 20.000.000 đồng và phạt bị cáo Trần Đình T 10.000.000 đồng; để sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ của các bị cáo được hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/3/2025 các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Đình T đều có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ về hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H và bị cáo T đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Đình T về tội “Đánh bạc”, theo điểm c khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đánh giá về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo để xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 39 tháng tù và xử phạt bị cáo Trần Đình T 36 tháng tù, là có căn cứ.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo H không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H.

Đối với bị cáo T đã giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ gồm: Biên lai thu tiền ngày 14/3/2025 nộp phạt số tiền 10.000.000 đồng và Biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 13/3/2025 số tiền 200.000 đồng tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận N, theo đúng phán quyết tại Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm; thể hiện bị cáo T có thái độ ăn năn hối cải, tuân thủ và chấp hành pháp luật. Do vậy cần áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ này theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T xin được hưởng án treo, để sửa Bản án sơ thẩm.

Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 13/3/2025 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3) xét xử sơ thẩm; tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Đình T đều có mặt. Ngày 26/3/2025 các bị cáo H và T đều có đơn kháng

cáo là vẫn còn trong thời hạn kháng cáo, theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Đình T đều về tội “Đánh bạc”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không kháng cáo về tội danh, mà chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ về hình phạt và được hưởng án treo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 39 (ba mươi chín) tháng tù là thỏa đáng, không nặng.

[4] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo H cũng không giao nộp thêm được tài liệu chứng cứ mới và cũng không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không có đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

[5] Đối với kháng cáo của bị cáo T: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T 36 tháng tù là thỏa đáng, không nặng. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã giao nộp thêm các tài liệu chứng cứ mới gồm: Biên lai thu tiền, Ký hiệu: BLTT/23, số: 0009021, ngày 13/3/2025 và Biên lai thu tiền, Ký hiệu: BLTT/23, số: 0009054, ngày 14/3/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền; thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo phán quyết tại Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Nên cần đánh giá bị cáo có thái độ tuân thủ và chấp hành pháp luật; ăn năn hối cải và cần áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ này theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng được chính quyền địa phương xác nhận. Do vậy, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T để sửa Bản án sơ thẩm, cho bị cáo T được hưởng án treo là phù hợp và có căn cứ để chấp nhận. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt áp dụng đối với bị cáo T.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo được Tòa án chấp nhận nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đối với bị cáo H do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc H và giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án. Khi thi hành án bị cáo được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ (từ ngày 05/4/2024 đến ngày 13/4/2024).

Căn cứ Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H cho đến khi bắt thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình T và sửa Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Đình T.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Trần Đình T 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao Trần Đình T cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự, cụ thể như sau:

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải

thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách”.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Đình T kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Đình T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- PC 10 Công an thành phố Hải Phòng;
- PC 03 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3, tp Hải Phòng;
- TAND khu vực 3, tp Hải Phòng;
- Chi cục THADS khu vực 3, tp Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Các Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên